

Số: 304/BC-ĐKS

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2017

BÁO CÁO

**Kết quả kiểm tra, khảo sát tình hình thực hiện công tác pháp chế;
kiểm soát thủ tục hành chính; nuôi con nuôi; bồi thường nhà nước;
theo dõi thi hành pháp luật và phổ biến, giáo dục pháp luật tại
Bình Dương, Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu**

Thực hiện Quyết định số 506/QĐ-BTP ngày 10/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt Kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn và các đoàn thanh tra, kiểm tra, khảo sát của Bộ Tư pháp năm 2017 và Kế hoạch số 3201/KH-BTP ngày 05/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc tổ chức Đoàn kiểm tra, khảo sát của Bộ Tư pháp tại Bình Dương, Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu, từ ngày 19 - 21/9/2017, Bộ Tư pháp tổ chức Đoàn công tác tiến hành kiểm tra, khảo sát tình hình thực hiện công tác pháp chế; kiểm soát thủ tục hành chính; nuôi con nuôi; bồi thường nhà nước; theo dõi thi hành pháp luật và phổ biến, giáo dục pháp luật¹ tại tỉnh Bình Dương, Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại mỗi địa phương, Đoàn đã có 01 buổi làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) và 01 buổi làm việc với Cục Thi hành án dân sự (THADS)². Thành phần tham dự buổi làm việc với Đoàn tại UBND tỉnh gồm có đại diện lãnh đạo UBND, HĐND tỉnh; đại diện lãnh đạo Sở Tư pháp, lãnh đạo và người làm công tác pháp chế các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; lãnh đạo Cục THADS; Phòng Tư pháp cấp huyện. Tại các buổi làm việc tại Cục THADS có đại diện lãnh đạo các Phòng chuyên môn của Cục THADS và các Chi cục THADS trên địa bàn.

Sau đây là báo cáo kết quả của Đoàn công tác:

I. THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH

1. Công tác pháp chế

1.1. Về tình hình thi hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011

¹ Thành phần Đoàn kiểm tra, khảo sát: đồng chí Trần Văn Đạt được sự ủy quyền của lãnh đạo Bộ làm Trưởng đoàn; các thành viên trong Đoàn là lãnh đạo và chuyên viên của Vụ VDCXDPL; Cục Bồi thường nhà nước; Cục Con nuôi và Cục Công tác phía Nam.

² Làm việc tại Cục THADS các tỉnh để khảo sát về việc thực hiện các quy định về KSTTHC trong lĩnh vực THADS; lấy ý kiến về phương án đơn giản hóa TTHC trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

- Tại tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu: Đoàn công tác đi thăm các cơ sở trợ giúp xã hội tại địa phương.

- Tại tỉnh Bình Dương: Đoàn công tác làm việc với Sở Tư pháp về công tác bồi thường nhà nước.

của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế (Nghị định số 55/2011/NĐ-CP):

Để triển khai Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, các địa phương đã tích cực, chủ động triển khai nhiều hình thức, biện pháp khác nhau để quán triệt nội dung của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP cho các cán bộ, công chức, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn. UBND các tỉnh đã chủ động ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định; xây dựng Đề án thành lập mới, củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của tổ chức pháp chế ở các cơ quan chuyên môn thuộc UBND và doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh để làm cơ sở việc thành lập Phòng Pháp chế và bố trí người làm công tác pháp chế, v.v... (Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 16/7/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Phòng Pháp chế và củng cố, kiện toàn tổ chức pháp chế theo Nghị định số 55/2011/NĐ-CP; Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2012 - 2015”).

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP và các VBQPPL khác có liên quan, công tác pháp chế được các tỉnh quan tâm triển khai và đạt được một số kết quả tích cực trên các mặt công tác: xây dựng pháp luật, công tác rà soát, hệ thống VBQPPL; công tác kiểm tra và xử lý VBQPPL; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; công tác bồi thường của Nhà nước; công tác kiểm soát thủ tục hành chính, v.v... Những kết quả đạt được trong công tác pháp chế của tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn đã góp phần và nâng cao hiệu quả công tác pháp chế nói chung và góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1.2. Tình hình củng cố, kiện toàn tổ chức pháp chế:

- *Tại Bình Dương:* từ năm 2011 đến năm 2014 trên địa bàn tỉnh đã thành lập được 11/14 Phòng Pháp chế; 03/14 Sở, ngành có cán bộ kiêm nhiệm phụ trách công tác pháp chế. Tổng số người làm công tác pháp chế tại 14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh là 31 người, trong đó có 12 người làm công tác pháp chế chuyên trách và 19 người kiêm nhiệm làm công tác pháp chế.

Từ năm 2015 đến nay, ở nhiều cơ quan chuyên môn thuộc UBND, Phòng Pháp chế đã bị giải thể, đến nay trên địa bàn tỉnh chỉ còn 02 Sở có Phòng Pháp chế (Sở Tài chính và Sở Thông tin và Truyền thông). Ngoài 14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh phải thành lập Phòng Pháp chế theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, trên địa bàn tỉnh Bình Dương còn thành lập Phòng Pháp chế và bố trí người làm công tác pháp chế tại các Sở, ngành như: Thanh tra

tỉnh (thành lập Phòng Pháp chế với 02 người làm công tác pháp chế); Sở Ngoại vụ bố trí 01 người làm công tác pháp chế; Văn phòng UBND tỉnh bố trí 01 người làm công tác pháp chế.

- *Tại Đồng Nai:* ngày 08/01/2014, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 49/QĐ-UBND về việc thành lập Phòng Pháp chế tại 14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo quy định tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP. Tuy nhiên, trên thực tế chỉ có 06/14 Phòng Pháp chế được kiện toàn (tại các Sở: Tài chính; Xây dựng; Khoa học và Công nghệ; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Y tế; Thông tin và Truyền thông); ở các Sở, ngành còn lại, công tác pháp chế được giao cho công chức làm công tác chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

Tính đến ngày 18/9/2017, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai chỉ còn 02 Sở có Phòng Pháp chế, đó là Sở Tài chính và Sở Khoa học và Công nghệ.

- *Tại Bà Rịa - Vũng Tàu:* theo đề nghị của 08/14 cơ quan chuyên môn, Chủ tịch UBND tỉnh đã ký ban hành Quyết định thành lập Phòng Pháp chế tại 08 Sở (Giao thông vận tải; Tài nguyên và Môi trường; Công Thương; Nội vụ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Khoa học và Công nghệ; Thông tin và Truyền thông; Xây dựng), tuy nhiên, trên thực tế chỉ có Sở Giao thông vận tải bố trí thành lập được Phòng Pháp chế.

Tính đến ngày 28/7/2017, tại Bà Rịa - Vũng Tàu, chỉ có **02/15** Sở thành lập và duy trì được Phòng Pháp chế, đó là Sở Giao thông vận tải và Sở Tài nguyên và Môi trường; ở các Sở còn lại công tác pháp chế được giao cho cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

1.3. Về đội ngũ người làm công tác pháp chế:

- *Tại Bình Dương:* có 20 người làm công tác pháp chế tại 14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, trong đó 07 người làm công tác pháp chế chuyên trách và 13 cán bộ pháp chế kiêm nhiệm.

- *Tại Đồng Nai:* có 38 người làm công tác pháp chế, trong đó có 18 công chức làm công tác pháp chế tại 14 Sở theo quy định phải thành lập Phòng Pháp chế.

- *Tại Bà Rịa - Vũng Tàu:* có 23 người làm công tác pháp chế tại 15 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (kể cả Sở Du lịch được thành lập cuối năm 2016), trong đó có 04 người làm công tác pháp chế chuyên trách, 19 người kiêm nhiệm; tại các doanh nghiệp do UBND tỉnh quản lý, có 02 doanh nghiệp bố trí từ 01 - 03 người làm công tác pháp chế.

2. Công tác theo dõi thi hành pháp luật

Nhìn chung, tại cả 3 tỉnh Đoàn đến làm việc, công tác TDTHPL được thực hiện khá bài bản. Trong năm 2017, các tỉnh đã kịp thời ban hành Kế hoạch

TDTHPL năm và Kế hoạch TDTHPL trọng tâm về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp theo định hướng của Bộ. Để nâng cao hiệu quả công tác TDTHPL, tại Bình Dương và Đồng Nai đã ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong công tác này.

Thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành và lĩnh vực trọng tâm của Bộ Tư pháp và Công văn số 411/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 14/02/2017 của Bộ Tư pháp về việc triển khai thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật, UBND các tỉnh đã ban hành Kế hoạch để triển khai công tác này ở địa phương. Hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cũng được các địa phương quan tâm đổi mới: mở chuyên trang hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp khởi nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; phát phiếu điều tra, khảo sát cho doanh nghiệp; tổ chức Đoàn kiểm tra liên ngành; tiến hành rà soát các VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành liên quan đến nội dung “Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp” (Bà Rịa - Vũng Tàu); tổ chức các tọa đàm về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp; rà soát văn bản QPPL và thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực trọng tâm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2017; v.v...

3. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Ngay từ đầu năm, các Sở Tư pháp đã tham mưu UBND và Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh ban hành đầy đủ, kịp thời các chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện công tác PBGDPL ở địa phương. Căn cứ các chương trình, kế hoạch được ban hành, các ngành, các cấp đã tổ chức triển khai bằng nhiều hình thức đa dạng: tuyên truyền miệng, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức các cuộc thi, hội thi tìm hiểu pháp luật; tổ chức bồi dưỡng tập huấn; quán triệt các văn bản Luật mới được ban hành; duy trì các chuyên mục tuyên truyền pháp luật trên sóng phát thanh, truyền hình; hệ thống loa truyền thanh không dây; đã bước đầu ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động PBGDPL của ngành, địa phương, như: sử dụng trình chiếu các nội dung văn bản; đăng tải trên website; chuyển văn bản quan email, Eoffice; đặc biệt đội ngũ làm công tác PBGDPL 100% buổi tuyên truyền đều sử dụng máy tính trình chiếu tại các buổi tuyên truyền (Bà Rịa - Vũng Tàu)... ; việc thực hiện hương ước, quy ước và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được các tỉnh đặc biệt quan tâm theo Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về xây dựng, xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và triển khai hướng dẫn, đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo chỉ đạo của Bộ Tư pháp. Sở Tư pháp chú trọng công tác thẩm định hương ước, quy ước để đảm bảo chất lượng, đúng trình tự, thủ tục và quy định pháp luật, phù hợp với tinh thần bảo vệ quyền con người, quyền công dân của Hiến pháp năm 2013, phù hợp với thuần phong, mỹ tục, quy định về nếp sống văn hóa. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản về việc nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật, chỉ đạo đối với các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn bố trí địa

điểm đặt Tủ sách pháp luật bảo đảm thuận tiện cho việc quản lý, khai thác. Một số kết quả nổi bật về công tác PBGDPL ở các tỉnh như sau:

- *Tại Bình Dương:* tổ chức tuyên truyền được 20.034 cuộc với hơn 831.585 lượt người tham dự (cấp tỉnh 12.710 cuộc 479.345 lượt người dự; cấp huyện 7.324 cuộc với 352.240 lượt người dự), tổ chức 24 cuộc thi tìm hiểu pháp luật với 5.342 lượt người tham dự, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng được 9.899 giờ; in ấn 527.723 tờ gấp và hơn 150.859 tài liệu pháp luật... Việc thực hiện hương ước, quy ước và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được tỉnh đặc biệt quan tâm. Các Câu lạc bộ pháp luật trên địa bàn tỉnh do các cơ quan, ban, ngành thành lập như Công an (CLB phòng chống tội phạm) Nông dân (CLB pháp luật nông dân); Đoàn thanh niên (Chi hội thanh niên nhà trọ); Phụ nữ (CLB chi hội phụ nữ)...tiếp tục được duy trì mang lại hiệu quả tích cực. Công tác hòa giải ở cơ sở tiếp tục được các cấp ủy, Đảng và chính quyền quan tâm. Tính đến hết tháng 8/2017, các tổ hòa giải ở địa phương đã tiếp nhận 695 vụ việc, đưa ra hòa giải 674 vụ việc, hòa giải thành 563 vụ việc, tỷ lệ hòa giải thành 83,53%.

- *Tại Đồng Nai:* đến nay, trên toàn tỉnh đã có 2.630 báo cáo viên pháp luật và tuyên truyền viên (cấp tỉnh: 138, cấp huyện: 314, cấp xã: 2.178 tuyên truyền viên). Trong 9 tháng đầu năm 2017, đã hòa giải thành 1.233 vụ (84,2%); hòa giải không thành chuyển cơ quan chức năng giải quyết 212 vụ (14,5%); đang giải quyết: 20 vụ (1,3%).

- *Tại Bà Rịa - Vũng Tàu:* Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp và đội ngũ người làm công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh được quan tâm củng cố, kiện toàn và vẫn còn tiếp tục duy trì Hội đồng phối hợp PBGDPL của 82 xã, phường, thị trấn. Trên địa bàn tỉnh hiện có 565 tổ hòa giải với 4.181 hòa giải viên/08 huyện, thành phố. Năm 2017, Sở Tư pháp đã phối hợp với Phòng Tư pháp các huyện tổ chức 09 lớp tập huấn và 12 buổi buổi thực hành cầm tay chỉ việc cho Hòa giải viên ở cơ sở. Tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017, các tổ hòa giải đã tiếp nhận giải quyết: 536 vụ, việc, hòa giải thành: 383 vụ, việc (tỷ lệ 71,46%); đã tiến hành kiểm tra trực tiếp hoạt động hòa giải ở cơ sở tại 14 xã, phường, thị trấn và các khu dân cư của 08/08 đơn vị cấp huyện trong đợt kiểm tra công tác Tư pháp năm 2017.

4. Công tác bồi thường của Nhà nước

Theo Kế hoạch số 3201/KH-BTP ngày 05/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Đoàn công tác làm việc về công tác bồi thường của Nhà nước tại tỉnh Bình Dương.

- UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Kế hoạch số 307/KH-UBND ngày 25/7/2017 về thực hiện công tác bồi thường nhà nước năm 2017. Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, các Sở, ngành và UBND cấp huyện đã chủ động xây dựng Kế hoạch riêng về thực hiện công tác bồi thường của Nhà nước năm 2017 tại cơ quan, đơn vị mình. Dự kiến trong Quý IV năm 2017, UBND tỉnh sẽ ban

hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật TNBTCNN năm 2017 theo đúng yêu cầu của Bộ Tư pháp, đồng thời tiến hành rà soát, chuẩn bị các điều kiện về nguồn nhân lực để tổ chức triển khai thi hành Luật cũng như các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này trên địa bàn tỉnh;

- Căn cứ Luật TNBTCNN và các văn bản hướng dẫn thi hành, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương quan tâm, bố trí cán bộ có năng lực, trình độ, bảo đảm thực hiện tốt công tác bồi thường nhà nước (Phòng Hành chính tư pháp thuộc Sở Tư pháp; các Sở, ngành khác đều phân công công chức làm công tác pháp chế phụ trách về công tác bồi thường nhà nước; Phòng Tư pháp cấp huyện đã phân công 01 hoặc 02 công chức kiêm nhiệm công tác bồi thường nhà nước);

- Sở Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức hữu quan trong thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường của Nhà nước; các cơ quan, đơn vị cũng đã chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch của UBND tỉnh đã được phê duyệt;

- Sở Tư pháp là cơ quan thường trực, tham mưu cho Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục tuyên truyền, phổ biến Luật TNBTCNN cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và toàn thể nhân dân. Đồng thời, Sở Tư pháp tiếp tục đăng tải các quy định của pháp luật về bồi thường của Nhà nước trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp. Các Sở, ngành, UBND cấp huyện lồng ghép việc tuyên truyền pháp luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước tại đơn vị mình với các hình thức đa dạng như: thông qua sinh hoạt “Ngày Pháp luật”; công tác tiếp công dân; tại các cuộc họp giao ban; sinh hoạt dưới cờ đầu tháng, sinh hoạt đoàn thể, hội nghị của cơ quan, đơn vị, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống loa truyền thanh cơ sở; v.v... Thông qua hoạt động tuyên truyền phổ biến TNBTCNN đã giúp cán bộ, công chức và nhân dân nhận thức được ý nghĩa, vai trò cơ bản của Luật cũng như trách nhiệm giải quyết bồi thường nhà nước khi phát sinh yêu cầu bồi thường nhà nước;

- Trong năm 2016, trên địa bàn tỉnh có 01 trường hợp yêu cầu giải quyết bồi thường; thực hiện theo dõi việc chi trả tiền bồi thường và thực hiện việc hoàn trả đối với 01 vụ việc của ông Hồ Huy Bảo trong lĩnh vực đất đai. Đến nay, tại UBND thị xã Dĩ An đã thực hiện việc bồi thường cho người có yêu cầu với số tiền là 780.000.000 đồng. Đồng thời, cán bộ công chức có hành vi gây ra thiệt hại đã thực hiện việc hoàn trả theo quy định (mức hoàn trả: 15.193.653 đồng). Trong năm 2017, trên địa bàn tỉnh không có trường hợp nào yêu cầu giải quyết bồi thường.

5. Công tác nuôi con nuôi

Theo Kế hoạch số 3201/KH-BTP ngày 05/9/2017 của Bộ Tư pháp, Đoàn công tác làm việc về công tác nuôi con nuôi tại tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Các địa phương đã tập trung tổ chức triển khai Luật Nuôi con nuôi và các VBQPPL có liên quan với nhiều hình thức phong phú. Sở Tư pháp đã lồng ghép phổ biến các quy định pháp luật về nuôi con nuôi trong các cuộc họp giao ban cụm và trong các đợt kiểm tra công tác tư pháp tại địa phương; thường xuyên rà soát, cập nhật Bộ thủ tục hành chính về nuôi con nuôi và tham mưu UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính về nuôi con nuôi để áp dụng tại địa phương;

- Công tác giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước: tại Đồng Nai, từ năm 2016 đến tháng 5/2017, toàn tỉnh đã đăng ký 109 trường hợp. Với đặc thù là địa phương có nhiều cơ sở tôn giáo có nuôi dưỡng trẻ em, đến nay tại địa bàn tỉnh Đồng Nai, cơ quan có thẩm quyền đã đăng ký nuôi con nuôi trong nước cho 5 trường hợp; tại Bà Rịa - Vũng Tàu, trong 06 tháng đầu năm 2017, tổng số đăng ký nuôi con nuôi trong nước tại địa bàn là 12 trường hợp. Về cơ bản, ở cả 2 tỉnh, việc giải quyết thủ tục nuôi con nuôi thực hiện đúng pháp luật (đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục), không có khiếu nại hay khiếu kiện xảy ra;

- Công tác nuôi con nuôi nước ngoài: tại Đồng Nai, trong giai đoạn từ năm 2011 - 2016 đã giải quyết 20 trường hợp cho làm con nuôi nước ngoài, chủ yếu là trẻ em diện con riêng cháu ruột được người thân ở nước ngoài nhận làm con nuôi; tại Bà Rịa - Vũng Tàu, từ ngày 01/01/2017 đến ngày 10/9/2017 đã giải quyết 04 trường hợp cho làm con nuôi nước ngoài, trong đó có 02 trẻ em từ cơ sở nuôi dưỡng và 02 trẻ em từ gia đình được cha dưỡng nhận làm con nuôi;

- Việc rà soát chỉ định cơ sở nuôi dưỡng được giới thiệu trẻ em cho làm con nuôi nước ngoài: tại Đồng Nai đã chỉ định 02 cơ sở nuôi dưỡng được giải quyết cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài là Trung tâm Huấn luyện cô nhi Biên Hòa và Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi khuyết tật tỉnh Đồng Nai, nhưng số trẻ em được giới thiệu cho làm con nuôi nước ngoài từ 2 cơ sở này còn rất ít; tương tự, tại Bà Rịa - Vũng Tàu cũng đã chỉ định 02 cơ sở nuôi dưỡng được giải quyết cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài là Trung tâm bảo trợ trẻ em Vũng Tàu và Trung tâm công tác xã hội tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhưng số trẻ em được giới thiệu cho làm con nuôi nước ngoài từ 2 cơ sở này cũng còn rất ít (năm 2017, Sở Tư pháp đã gửi danh sách 08 trẻ em có nhu cầu chăm sóc đặc biệt đề nghị Cục Con nuôi tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ, đến nay đã giải quyết xong 02 trường hợp).

6. Tình hình thực hiện các quy định về thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp

Kết quả khảo sát cho thấy, về cơ bản, ở cả Bình Dương, Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu đều đã giải quyết các TTHC trong lĩnh vực THADS, bồi thường nhà nước, đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên,

trong một số trường hợp, việc tiếp nhận, giải quyết TTHC trong các lĩnh vực nêu trên ở một số cơ quan, đơn vị chưa đảm bảo đúng quy trình; một số nơi, một số lĩnh vực cơ quan nhà nước và người thi hành công vụ còn yêu cầu người dân phải cung cấp những hồ sơ ngoài thủ tục quy định nhưng không nêu rõ lý do bằng văn bản/mẫu phiếu; vẫn còn tình trạng giải quyết hồ sơ quá hạn; việc phối hợp giải quyết một số TTHC liên thông vẫn còn hạn chế.

Tình hình thực hiện các quy định về TTHC trong lĩnh vực THADS:

- *Tại Bình Dương*: kết quả thực hiện TTHC trong lĩnh vực THADS (từ ngày 01/10/2016 - 31/8/2017) tiếp nhận 14.060 TTHC, đã giải quyết được 13.042 TTHC, số còn đang giải quyết là 1.018 TTHC. Về kết quả triển khai cơ chế một cửa, hỗ trợ trực tuyến yêu cầu thi hành án dân sự: 100% cơ quan THADS trong tỉnh thực hiện cơ chế một cửa và hỗ trợ trực tuyến. Về thực hiện cơ chế một cửa: Cục THADS tỉnh Bình Dương và các Chi cục THADS trực thuộc đã thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, trong 03 tháng triển khai (01/6/2017 - 31/8/2017) toàn tỉnh đã tiếp nhận 655 TTHC qua cơ chế một cửa, đến nay đã trả kết quả 655 TTHC, Về công tác hỗ trợ trực tuyến: trong 03 tháng triển khai (01/6/2017 - 31/8/2017) các cơ quan THADS trong tỉnh chưa tiếp nhận yêu cầu hỗ trợ trực tuyến nào. Về công tác bồi thường nhà nước trong lĩnh vực thi hành án dân sự: từ ngày 01/10/2016 - 30/8/2017, các cơ quan THADS của tỉnh Bình Dương chưa phát sinh trường hợp nào phải thực hiện bồi thường theo Luật TNBTCNN.

- *Tại Đồng Nai*: từ ngày 01/10/2016 - 31/8/2017, tại Cục THADS đã thụ lý mới 367 vụ việc; có 247 quyết định thi hành án chủ động; 50 quyết định thi hành án theo yêu cầu; có 53 hồ sơ nhận theo thủ tục hành chính; có 50 thủ tục tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo cơ chế một cửa; có 02 hồ sơ nhận giải quyết theo cơ chế một cửa và 01 hồ sơ thi hành án hành chính. Tại các Chi cục THADS, từ ngày 01/10/2016 - 31/8/2017 đã thụ lý 17.380 việc, trong đó năm cũ chuyển sang 11.758 việc; có 23.698 quyết định thi hành án chủ động; 7.357 quyết định thi hành án theo yêu cầu; có 1938 hồ sơ nhận theo thủ tục hành chính. Có 1938 thủ tục tiếp nhận hồ sơ yêu cầu thi hành án và trả kết quả theo cơ chế một cửa...

- *Tại Bà Rịa - Vũng Tàu*: Cục THADS và các Chi cục THADS đã ban hành Quyết định thành lập và quy chế hoạt động của Tổ một cửa và hỗ trợ trực tuyến thi hành án dân sự. Từ ngày 01/6/2017 - 15/9/2017, các cơ quan THADS đã tiếp nhận 291 đơn yêu cầu thi hành án, đã ra quyết định thi hành án đúng thời hạn và giao quyết định thi hành án theo quy định. Có 63 hồ sơ xác nhận kết quả thi hành án. Về hỗ trợ trực tuyến: Cục THADS và các Chi cục THADS chưa tiếp nhận trường hợp nào.

II. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Công tác pháp chế

- *Về việc xây dựng, kiện toàn tổ chức pháp chế:* việc thành lập Phòng Pháp chế tại 14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP gặp rất nhiều khó khăn. Trước thời điểm năm 2014 (trước thời điểm Bộ Nội vụ ban hành Thông tư hoặc liên tịch ban hành các Thông tư liên tịch), cả 03 địa phương mặc dù không thành lập đủ 14 Phòng Pháp chế nhưng cũng đã thành lập được một số lượng Phòng Pháp chế đáng kể (Bình Dương có 11/14 Phòng Pháp chế; Đồng Nai có 06/14 Phòng Pháp chế; Bà Rịa - Vũng Tàu có Quyết định thành lập 8/14 Phòng Pháp chế). Tuy nhiên, do thực hiện các Thông tư, Thông tư liên tịch nêu trên và thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy nên tổ chức pháp chế ở các địa phương có nhiều biến động theo hướng các Phòng Pháp chế ở các cơ quan chuyên môn đã được thành lập, đến nay hầu hết đã bị giải thể (Bình Dương chỉ còn 02 Sở có Phòng Pháp chế; Đồng Nai có 02 Sở còn Phòng Pháp chế; Bà Rịa - Vũng Tàu có 2 Sở còn Phòng Pháp chế). Sự biến động về tổ chức pháp chế đã ảnh hưởng rất lớn đến việc tổ chức và thực hiện của công tác pháp chế ở địa phương.

- *Về đội ngũ người làm công tác pháp chế:* theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, công chức pháp chế phải có trình độ cử nhân luật trở lên; người đứng đầu tổ chức pháp chế phải có trình độ cử nhân luật trở lên và có ít nhất năm năm trực tiếp làm công tác pháp luật. Thực tế, đội ngũ người làm công tác pháp chế tại các địa phương đến làm việc về cơ bản đã được chuẩn hóa theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP. Tuy nhiên, còn có một bộ phận không nhỏ người làm công tác pháp chế ở các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh chưa có trình độ cử nhân luật nên còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Ở một số Sở, việc thực hiện công tác pháp chế chỉ được xem là một nhiệm vụ giao thêm, còn nhiệm vụ chính vẫn là công tác chuyên môn khác như thanh tra, tổng hợp, văn phòng; v.v.... Bên cạnh đó, có địa phương, ở các Sở không thành lập được Phòng Pháp chế thì hầu hết các nhiệm vụ của tổ chức pháp chế được thực hiện lồng ghép với các hoạt động chuyên môn do các phòng chuyên môn thực hiện. Ngoài ra, đội ngũ người làm công tác pháp chế ở các địa phương hiện nay cũng chưa được kiện toàn đầy đủ, còn thiếu số lượng, chưa phát huy được khả năng, kinh nghiệm đối với các nhiệm vụ được giao nên công tác pháp chế có lúc, có nơi còn chưa đi vào thực chất, hiệu quả.

- *Về thực hiện nhiệm vụ công tác pháp chế theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP:* việc tham mưu, xây dựng VBQPPL của tổ chức pháp chế cho lãnh đạo các cấp ở địa phương còn chậm trễ, tính khả thi chưa cao, chưa phù hợp với thực tiễn; còn có tình trạng dự thảo VBQPPL khi gửi đến Sở Tư pháp để góp ý, thẩm định còn sai về thẩm quyền ban hành, nội dung và thể thức văn bản;

việc gửi hồ sơ thẩm định còn chưa đầy đủ, chưa đúng quy định của pháp luật; nội dung góp ý của các cơ quan, tổ chức pháp chế, người làm công tác pháp chế đối với dự thảo VBQPPL còn sơ sài; ở một số nơi, người làm công tác pháp chế còn chưa chủ động, tích cực trong việc tham mưu thực hiện rà soát, hệ thống hóa VBQPPL và đề xuất phương án xử lý những VBQPPL mâu thuẫn, chông chéo hoặc không còn phù hợp (cá biệt, có Bà Rịa - Vũng Tàu, công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản hầu hết do Sở Tư pháp đảm nhận); công tác phổ biến, giáo dục pháp luật còn chưa được thực hiện thường xuyên mà chỉ diễn ra theo từng đợt; sự phối hợp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật giữa các ngành, các cấp có lúc chưa đồng bộ, thống nhất. Tại các doanh nghiệp nhà nước: người được giao thực hiện công tác pháp chế còn tâm lý e ngại trong việc tham mưu cho lãnh đạo doanh nghiệp khi thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động tại doanh nghiệp, v.v...; ở một số nơi, công tác pháp chế chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan hoặc trong từng nội bộ cơ quan.

2. Công tác theo dõi thi hành pháp luật

Mặc dù Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (Nghị định số 59/2012/NĐ-CP) và Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP đã quy định cụ thể hơn về cách thức, nội dung thực hiện công tác TDTHPL, tuy nhiên, trên thực tế ở địa phương còn gặp khó khăn, lúng túng như xác định tiêu chí để đánh giá các nội dung trong Nghị định 59/2012/NĐ-CP và Thông tư 14/2014/TT-BTP; cách thức thực hiện đối với một số hoạt động TDTHPL như thu thập thông tin, điều tra, khảo sát còn chưa cụ thể; không có quy định về chế tài để răn đe xử lý các tổ chức, cá nhân cố tình hiểu sai, làm không đúng quy định pháp luật.... Do đó, việc triển khai thực hiện Nghị định 59/2012/NĐ-CP và Thông tư 14/2014/TT-BTP còn chưa mang lại hiệu quả một cách rõ ràng. Bên cạnh đó, phạm vi TDTHPL là rất rộng, đòi hỏi cần có sự phối hợp giữa các Sở, ban, ngành, địa phương, sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp và các đơn vị, cá nhân trong xã hội, tuy nhiên, thực tế các Sở, ban, ngành, địa phương chưa thực sự quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác này cũng như khó huy động được sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp và các đơn vị, cá nhân trong xã hội, từ đó dẫn đến kết quả hoạt động công tác TDTHPL chưa thực sự nổi bật, chưa phản ánh đúng những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành pháp luật, chưa đưa ra được các đề xuất, giải pháp hiệu quả trong thi hành pháp luật. Bộ Tư pháp chậm ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn làm cho các địa phương khó khăn, lúng túng trong việc xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai công tác này.

3. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

- Nhiều chương trình, đề án về PBGDPL có nội dung tương tự, chồng chéo nhau, đối tượng trùng lặp, nên các địa phương rất khó bố trí nguồn lực thực hiện; việc xây dựng, ban hành Kế hoạch PBGDPL, Kế hoạch triển khai các Đề án về PBGDPL của một số cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện còn chậm; việc tổ chức chỉ đạo, điều hành công tác PBGDPL ở một số cơ quan, ban, ngành, địa phương chưa thực sự sâu sát, chặt chẽ, chưa phát huy được hết vai trò.

- Công tác xã hội hóa công tác PBGDPL chưa thu hút được sự tham gia của các nguồn lực xã hội, hiệu quả hoạt động của các Câu lạc bộ pháp luật còn nhiều hạn chế; việc không có Hội đồng PBGDPL ở cấp xã đã làm cho địa phương gặp rất nhiều khó khăn trong công tác phối hợp hoạt động PBGDPL;

- Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến nhân dân, nhất là các đối tượng đặc thù theo quy định của Luật PBGDPL còn hạn chế, chưa tổ chức được hội nghị riêng mà chủ yếu thực hiện thông qua các đợt trợ giúp pháp lý lưu động, tư vấn pháp luật cho các đối tượng có yêu cầu; nội dung PBGDPL của nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương còn dàn trải, thiếu trọng tâm; hình thức PBGDPL chưa thực sự hiệu quả; chất lượng không đánh giá được ngay.

- Khoản 4 Điều 21 Luật Hoà giải ở cơ sở 2013 (HGCS) quy định: *“Hòa giải viên có trách nhiệm ghi nội dung vụ, việc hòa giải vào Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở. Trường hợp các bên đồng ý thì lập văn bản hòa giải thành theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật HGCS 2013”*. Như vậy, nếu các bên hòa giải thành và có yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành thì Hòa giải viên (HGV) đồng thời phải viết 02 biên bản (01 biên bản hòa giải vào Sổ theo dõi và 01 biên bản hòa giải thành với những nội dung theo khoản 2 Điều 24). Nhiệm vụ này gây nhiều khó khăn cho HGV, vì mất thêm nhiều thời gian, công sức và đặc biệt là trình độ, khả năng của HGV có hạn chế nên không phải HGV nào cũng sẽ viết được biên bản này đạt yêu cầu để Tòa án chấp nhận. Đề nghị chỉ viết 01 biên bản hòa giải, nhưng có thêm phần nội dung kết luận là hòa giải thành hay không thành, nếu khi cần yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành thì HGV sẽ photo đề nghị UBND xác nhận biên bản để gửi cho Tòa án.

4. Công tác bồi thường của nhà nước

Lĩnh vực bồi thường nhà nước là một lĩnh vực mới, phức tạp và nhạy cảm, công chức làm công tác này chưa có kinh nghiệm thực tiễn, chưa được tập huấn nhiều và chuyên sâu về nghiệp vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường và giải quyết một số tình huống yêu cầu bồi thường nên trong tác nghiệp vẫn còn lúng túng, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; công tác phối hợp giữa các Sở, ban, ngành và địa phương có lúc chưa được chặt chẽ, chưa kịp thời, nhất là thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

5. Công tác nuôi con nuôi

Các địa phương còn lúng túng trong việc áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 10, Điều 30 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi và các quy định của pháp luật về hộ tịch về việc ghi chú Quyết định nuôi con nuôi của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài và thu hồ giấy khai sinh cũ của trẻ em được nhận làm con nuôi và cấp trích lục khai sinh mới sau khi đăng ký nuôi con nuôi. Ngoài ra, địa phương còn gặp khó khăn trong việc xác định điều kiện kinh tế, sức khỏe, chỗ ở của người nhận con nuôi để giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước; pháp luật không quy định cụ thể về việc tu sĩ, linh mục có được nhận con nuôi hay không nên dẫn đến việc lúng túng, không thống nhất việc đăng ký nuôi con nuôi đối với những người thuộc diện này; lúng túng trong việc áp dụng Phiếu lý lịch tư pháp số 1 hay Phiếu lý lịch tư pháp số 2 trong hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi; khó khăn trong việc xác định lại nguồn gốc của trẻ em đã được cha mẹ đẻ cho làm con nuôi ngay sau khi sinh bằng giấy viết tay, cho con nuôi trao tay; v.v... Bên cạnh đó, các địa phương cũng gặp khó khăn trong giải quyết việc nuôi con nuôi đối với các trường hợp quan hệ nuôi con nuôi đã xác lập trước khi người nhận con nuôi kết hôn, sau khi đăng ký kết hôn người chồng/vợ có bắt buộc làm thủ tục đăng ký nuôi con nuôi hay không đối với người con nuôi của vợ/chồng không.

6. Về tình hình thực hiện các quy định về thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp

- *Trong lĩnh vực bồi thường nhà nước*: một số nội dung liên quan đến trình tự, thủ tục, hồ sơ giải quyết bồi thường chưa được quy định cụ thể, rõ ràng, thống nhất nên chưa thể áp dụng ngay khi Luật TNBTCNN năm 2017 có hiệu lực.

- *Trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm*: các quy định tại Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm cơ bản đã hợp lý, giải quyết được các vấn đề tồn tại, vướng mắc của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm.

- *Trong lĩnh vực thi hành án dân sự*: các quy định của Luật THADS năm 2014 so với thực tiễn áp dụng và các quy định của các Luật khác còn nhiều vướng mắc, bất cập, cụ thể là: quy định về đơn yêu cầu thi hành án (điểm đ khoản 2 Điều 31); các hình thức phương tiện thông tin đại chúng được áp dụng (khoản 1 Điều 43); thời hạn ra quyết định thi hành án (khoản 1 Điều 36); thời hạn ban hành thông báo kết quả xác minh điều kiện thi hành án cho người được thi hành án (khoản 2 Điều 44); quy định về việc niêm yết thông tin về tên, địa chỉ, nghĩa vụ phải thi hành của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án (khoản 2 Điều 44a Luật THADS; khoản 1 Điều 11 Nghị định 62/2015/NĐ-CP); việc xác định lại khi có “thông tin mới” về điều kiện của người thi hành án

(khoản 5, khoản 6 Điều 9 Nghị định 62/2015/NĐ-CP); quy định về việc thông báo về thi hành án (khoản 2 Điều 12 Nghị định 62/2015/NĐ-CP); quy định về việc quyết định thi hành án lần đầu là căn cứ để xác định thời hạn xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án (khoản 5 Điều 61); quy định về việc thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ trong trường hợp bản án, quyết định tuyên trả lại tài sản cho đương sự (khoản 1 Điều 126); quy định đối với giấy tờ liên quan đến tài sản, nhân thân của đương sự thì hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo nếu đương sự không đến nhận, thì chấp hành viên làm thủ tục chuyển giao cho cơ quan đã ban hành giấy tờ đó xử lý theo quy định (khoản 3 Điều 126); quy định về thủ tục đề nghị miễn, giảm nghĩa vụ đối với khoản thu, nộp ngân sách Nhà nước theo Quyết định 1557/QĐ-BTP ngày 16/8/2015 của Bộ Tư pháp; quy định về quy trình giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự (Điều 48 Luật THADS và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 02/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp); quy định về quyền khiếu nại về thi hành án (Khoản 1 Điều 140); Luật THADS năm 2014 chưa quy định cụ thể về cách thức, thủ tục thông báo văn bản liên quan đến việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Các TTHC được cải cách trong giai đoạn hiện nay đòi hỏi nhiều nhân lực để thực hiện, trong khi đó biên chế của các cơ quan THADS giảm, do đó, công chức phụ trách ở bộ phận một cửa hay hỗ trợ trực tuyến đều là công chức kiêm nhiệm, vừa thực hiện công việc tiếp công dân, hướng dẫn thủ tục, vừa làm công tác chuyên môn khác. Bên cạnh đó, điều kiện về vật chất cũng như trang thiết bị, thiết kế phòng làm việc tại các Cục THADS và các Chi cục còn nhiều hạn chế. Một số Chi cục THADS chưa bố trí được bộ phận một cửa riêng mà vẫn còn tình trạng bố trí chung với văn thư, bộ phận trực ban nên chưa có sự phân định rõ ràng, làm cho đương sự lúng túng khi liên hệ. Việc hỗ trợ trực tuyến THADS gặp nhiều khó khăn, chưa phát huy được hiệu quả vì chưa được trang bị máy vi tính tại bộ phận một cửa.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Kết quả kiểm tra cho thấy, thời gian qua, công tác pháp chế, kiểm soát TTHC, nuôi con nuôi, bồi thường của nhà nước, theo dõi tình hình THPL và PBGDPL tại các địa phương mà Đoàn công tác đến làm việc đã được quan tâm tổ chức thực hiện và đạt được nhiều kết quả tích cực.

- Công tác pháp chế đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo địa phương nhất là trong việc xây dựng, củng cố và kiện toàn tổ chức pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. Tổ chức pháp chế được hình thành với số lượng người làm công tác pháp chế tương đối ổn định. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người làm công tác pháp chế ngày càng được chuẩn hóa, từ đó chất lượng công tác tham mưu, đề xuất các giải pháp cho lãnh đạo các

cơ quan ngày càng có sự chuyển biến tích cực. Công tác xây dựng, kiểm tra VBQPPL được các tổ chức pháp chế thực hiện bài bản, nề nếp hơn và từng bước đi vào chiều sâu; việc triển khai một số nhiệm vụ mới về kiểm soát TTHC, xử lý vi phạm hành chính đã có những kết quả; công tác PBGDPL ngày càng đi vào thực chất hơn; v.v... Tuy nhiên, kết quả kiểm tra, khảo sát cũng cho thấy, công tác kiện toàn tổ chức pháp chế, chất lượng công tác pháp chế ở các địa phương chưa đồng đều, hiệu quả chưa cao; chất lượng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người làm công tác pháp chế cũng còn nhiều hạn chế; chức năng, nhiệm vụ của người làm công tác pháp chế còn chưa được phát huy triệt để; v.v... Thực trạng này đã làm giảm ý nghĩa thực tiễn của công tác pháp chế trong hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội; ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Công tác theo dõi tình hình THPL cũng được các địa phương rất chú trọng thực hiện, việc tổ chức thực hiện hoạt động theo dõi tình hình THPL trong lĩnh vực trọng tâm cũng có nhiều kết quả, bám sát định hướng của Bộ Tư pháp và kế hoạch của UBND tỉnh. Tuy nhiên, do đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế tại các Sở, ban, ngành ở địa phương còn thiếu về số lượng, không ổn định, thường xuyên thay đổi, kinh nghiệm trong công tác pháp chế còn hạn chế nên việc phối hợp giữa cán bộ pháp chế với các Sở, ban, ngành trong triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác theo dõi tình hình THPL chưa thật sự chặt chẽ và hiệu quả chưa cao. Công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo dõi tình hình THPL hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp giữa các ngành chưa được thực hiện đồng bộ, nhịp nhàng; chưa có kết quả rõ nét. Việc triển khai hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại một số cơ quan, đơn vị còn lúng túng, chưa thực hiện đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP; v.v...

- Công tác PBGDPL ở các địa phương thời gian qua cũng có nhiều chuyển biến mạnh mẽ và đạt được nhiều kết quả. Nhìn chung, công tác này ở địa phương đã bám sát chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Vai trò của Hội đồng PBGDPL được phát huy tích cực. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể được thực hiện tương đối bài bản, với nhiều nội dung, hình thức phong phú, đa dạng phù hợp với các đối tượng trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, công tác PBGDPL tuy có tăng cường nhưng có mặt còn hạn chế, là chưa thu hút được đông đảo nhân dân tham gia, chưa có hình thức phổ biến pháp luật sáng tạo cho các nhóm đối tượng để tạo sức lan tỏa sâu rộng hơn. Bên cạnh đó, các hình thức PBGDPL ở địa phương còn khô cứng, chưa linh hoạt, chưa có những hình thức phổ biến pháp luật mới, sáng tạo để thu hút được nhiều đối tượng hơn; nội dung còn dàn trải thiếu trọng tâm nên hiệu quả đạt được cũng còn hạn chế; tỉ lệ hòa giải thành đạt chưa cao.

- Công tác bồi thường nhà nước tại Bình Dương được quan tâm thực hiện đúng theo quy định. Tỉnh Bình Dương đã kịp thời tổ chức triển khai, phổ biến các quy định của Luật TNBTCNN đến các cơ quan, tổ chức với nhiều hình thức và nội dung phong phú; việc bố trí, sắp xếp công chức làm công tác bồi thường ở các cơ quan cũng được quan tâm; địa phương đã chủ động, tích cực trong việc xây dựng kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện Luật TNBTCNN được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIV, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018.

- Công tác nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu cơ bản đã được thực hiện tương đối tốt. Tuy nhiên, do pháp luật còn chưa quy định thống nhất về một số nội dung nên dẫn đến các địa phương còn lúng túng trong việc áp dụng quy định pháp luật; công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức pháp luật về nuôi con nuôi đối với người dân còn chưa được thực hiện tốt nên nhiều trường hợp người dân nuôi con nuôi không đúng pháp luật, khó hoặc không thực hiện được việc đăng ký nuôi con nuôi. Điều này đã làm giảm ý nghĩa của việc xin con nuôi nhằm mục đích nhân đạo, giúp trẻ tìm được mái ấm gia đình.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Tổng hợp đề xuất, kiến nghị của địa phương

1.1. Về công tác pháp chế:

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP theo hướng, quy định biên chế làm công tác pháp chế chuyên trách đối với 14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; quy định cụ thể về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với người làm công tác pháp chế; hướng dẫn về tổ chức, bộ máy, biên chế của tổ chức pháp chế, đảm bảo tính đồng bộ với các quy định hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của các Sở, ngành. Tăng cường công tác phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan quản lý cán bộ pháp chế trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người làm công tác pháp chế;

- Nghiên cứu xây dựng chức danh "pháp chế viên" cho người làm công tác pháp chế;

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và công tác pháp chế để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp chính quyền địa phương, lãnh đạo cơ quan và người làm công tác pháp chế;

- Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ công tác pháp chế theo từng chuyên đề cho người làm công tác pháp chế; nghiên cứu đơn giản hóa việc xây dựng kế hoạch và lập báo cáo trong công tác pháp chế, có thể đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào thực hiện các nhiệm vụ pháp chế; tăng cường hoạt

động sáng kiến trong công tác này và đồng thời tổ chức triển khai các sáng kiến có tính khả thi cao nhằm đơn giản hóa, nâng cao hiệu quả công tác này.

1.2. Về công tác theo dõi thi hành pháp luật:

- Sớm ban hành Chỉ tiêu thống kê quốc gia làm cơ sở cho địa phương trong việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định 59/2012/NĐ-CP và Thông tư 14/2014/TT-BTP;

- Nghiên cứu ban hành văn bản quy định cụ thể về các điều kiện đảm bảo cho công tác theo dõi tình hình THPL như: tổ chức, biên chế, kinh phí cho các hoạt động cụ thể khi thực hiện công tác này. Đồng thời, tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về theo dõi tình hình THPL cho lực lượng cán bộ, công chức ở địa phương nhất là trong lĩnh vực quản lý xử lý vi phạm hành chính để giải quyết các vấn đề nhạy cảm như vi phạm về đất đai, xây dựng, đăng ký kinh doanh, thuế, v.v...;

- Sớm ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình THPL hàng năm (trong trung tuần tháng 12 của năm trước) để địa phương chủ động triển khai thực hiện tại địa phương. Đồng thời có hướng dẫn cụ thể trong lĩnh vực theo dõi trọng tâm hàng năm;

- Tổ chức tổng kết công tác theo dõi tình hình THPL; nghiên cứu xây dựng Luật theo dõi tình hình THPL;

- Xây dựng cơ chế phối hợp thực hiện công tác theo dõi tình hình THPL.

1.3. Về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật:

- Khẩn trương sửa đổi Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTP-BTC theo hướng tăng mức chi hỗ trợ hoạt động hòa giải ở cơ sở (đặc biệt là chi thù lao cho hòa giải viên); quy định mức chi khung (tối thiểu và tối đa) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho từng địa phương trong quá trình áp dụng (từ 200.000 đến 500.000 đồng/vụ/tổ hòa giải);

- Hướng dẫn cụ thể trong việc làm văn bản về kết quả hòa giải thành khi nộp hồ sơ yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở theo Công văn số 1503/BTP-PBGDPL ngày 05/3/2017, theo hướng chỉ viết 01 biên bản hòa giải, nhưng có thêm phần nội dung kết luận là hòa giải thành hay không thành, nếu khi cần yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành thì Hòa giải viên sẽ photo đề nghị UBND xác nhận biên bản để gửi cho Tòa;

- Khẩn trương phối hợp với cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện khoản 3 Điều 3 Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật về việc thực hiện đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới, phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh; đảng bộ chính quyền cấp xã đạt tiêu chuẩn